

KINH CHÁNH PHÁP NIỆM XỨ

QUYỂN 18

Phẩm 5: SỨC SINH (Phần 1)

Lại nữa, Tỳ-kheo biết rõ về quả báo của nghiệp, quán đúng như thật về các địa ngục, biết quả báo của nghiệp trong một trăm ba mươi sáu địa ngục và biết như thật về thọ mạng dài ngắn, tăng giảm của các chúng sinh nơi cõi ấy. Vị ấy lại quán về đường thứ hai có vô lượng loài ngạ quỷ, lược nói về ba mươi sáu loại, cũng đã nhận biết đúng như thật về các hành nghiệp của chúng.

Vị ấy dùng văn tuệ quán xét về cõi súc sinh có từng chủng loại riêng biệt gồm ba mươi bốn ức, tất cả đều do tâm gây tạo nên sinh vào năm đường. Trong năm đường ấy, chủng loại súc sinh về số lượng rất là nhiều, mỗi loại có mỗi tướng mạo màu sắc riêng biệt, các đi đứng, ăn uống chẳng đồng. Loài bay thì mỗi loài mỗi khác. Thương-ghét, nghịch-thuận, đi có bạn, đi một mình, cùng sống chung, cùng dạo chơi, đó là các loài chim bay và các loài thú chạy. Các loài ô thược, thiên nga, chim nhạn, hồng... đi chơi từng đàn riêng biệt, chúng không oán ghét, giết hại lẫn nhau, còn các loài cáo, chó, dã can, thì oán ghét nhau. Quạ với cú mèo, ngựa với trâu bò, rắn độc với chuột... chúng tàn hại nhau. Hình tướng chẳng đồng, sự sinh hoạt và ăn uống cũng đều khác biệt.

Vì nghiệp gì mà mỗi loài có hình tướng khác nhau? Cách sinh hoạt, ăn uống cũng không giống nhau?

Vị ấy dùng văn tuệ quán chúng sinh này bị các tâm sai khiến, gây ra vô số nghiệp, đi vào vô số cảnh giới, ăn thức ăn khác nhau.

Vị ấy quán xét về các loài kia, do nhân duyên gì mà mỗi loài khác nhau, oán ghét, ganh ty nhau? Vị ấy liền dùng văn tuệ, biết các chúng sinh này, ở đời trước do tà kiến mà học theo pháp tà. Lại có chúng sinh cũng học theo pháp tà rồi sinh tà mạn, lấy những lý luận và ví dụ của tà kiến để cùng nhau tranh cãi. Tuy cùng bàn luận nhưng rốt cuộc không đưa đến lợi ích, không tạo được an lạc, cũng không phải là đường lành. Hai loại người ấy, sau khi qua đời, bị đọa vào địa ngục, chịu vô lượng khổ. Vì xưa kia oán ghét nhau nên khi thoát khỏi địa ngục, sinh vào loài súc sinh, trở lại oán ghét, sát hại lẫn nhau, như rắn độc với chuột vàng, quạ với cú mèo, ngựa với trâu...

Lại nữa, Tỳ-kheo biết quả báo của nghiệp rồi, lại quan sát các loài súc sinh, do nghiệp gì mà có loài súc sinh thuận hợp, không sát hại lẫn nhau?

Vị ấy dùng văn tuệ, biết các chúng sinh kia khi còn làm người, vì sinh tử mà bố thí đã cùng nhau phát nguyện: “Đời vị lai, chúng ta thường làm vợ chồng với nhau”. Sau khi qua đời, những người ấy sinh trong loài súc sinh, vui ít nhưng không bị khổ nhiều như các loài chim mạng mạng, uyên ương, bồ câu, phần nhiều chúng ưa thích ái dục, đó là nguyên nhân của nghiệp.

Lại nữa, Tỳ-kheo biết quả báo của nghiệp, lại quan sát các loài súc sinh chó, cáo, dã can. Vì nghiệp gì mà tánh chúng ghét bỏ giết hại nhau?

Vị ấy liền dùng văn tuệ, biết các chúng sinh kia lúc làm người, đã làm bắn thức ăn thanh tịnh của những người thiện và người xuất gia, lại thường thích tranh chấp. Do tâm

tham, nên sau khi qua đời, người ấy bị đọa vào súc sinh, làm thân chó, cáo, dã can, luôn oán ghét, ganh tỵ nhau.

Lại nữa, Tỳ-kheo biết quả báo của nghiệp, lại quán xét các loài hươu, nai, do nghiệp gì mà sinh vào loài này?

Vị ấy dùng văn tuệ, biết các chúng sinh kia đời trước ưa thích làm giặc hùng mạnh, đã đánh trống, thổi ốc, đến các thành ấp, xóm làng, thôn doanh để phá hủy hàng rào của người khác, gây những âm thanh lớn để tăng thêm sự sợ hãi. Người như vậy, sau khi qua đời bị đọa vào địa ngục, chịu đủ thứ khổ. Ra khỏi địa ngục, lại sinh vào loài hươu, nai, tâm luôn sợ sệt. Do đời trước phá xóm làng của người, khiến họ phải lo sợ nên nay phải sinh vào chốn núi rừng, đồng hoang, luôn luôn kinh hãi. Do nghiệp lực đã gây ra nên sinh làm người thì tâm luôn sợ sệt, nhỏ mọn, nhu nhược, mãi lo sợ. Đó là duyên của nghiệp còn lại.

Như vậy, vị ấy quán xét một phần nhỏ về các loài súc sinh, oán ghét, sát hại lẫn nhau, đó là do nghiệp đã tạo trước kia.

Lại nữa, Tỳ-kheo biết quả báo của nghiệp, lại quán xét các loài súc sinh, vì nghiệp gì mà thọ thân theo Hóa sinh?

Vị ấy liền dùng văn tuệ, biết các chúng sinh kia đời trước vì nhằm lấy chỉ tơ nên nuôi tằm, giết kén, hoặc đem đun nấu, hoặc lấy nước ngâm, sinh ra vô lượng trùng tên là Hỏa man. Có những ngoại đạo thọ pháp trai tà, lấy trùng còn nhỏ này bỏ trong lửa để cúng dường chư Thiên cầu phước đức. Sau khi qua đời, người ấy bị đọa vào địa ngục, chịu đủ các khổ. Ra khỏi địa ngục, lại sinh vào loài hóa sinh, ở trong đồ vật chứa đựng nước, đủ các loại khác nhau.

Lại nữa, Tỳ-kheo biết quả báo của nghiệp, lại quán xét các loài súc sinh, vì nghiệp gì mà đọa vào loài Thấp sinh?

Vị ấy liền dùng văn tuệ, biết các chúng sinh kia khởi ác tà kiến, giết hại rùa, ba ba, cá, ngao, ốc, hến và những loài trùng nhỏ trong ao, bể, hoặc trùng nhỏ trong men rượu. Hoặc có người ác, vì tham của cải mà giết các loài sâu nhỏ, hoặc vì tà kiến thờ trời, giết trùng để cúng tế. Sau khi qua đời, những người ấy bị đọa vào địa ngục, chịu đủ các thứ khổ không thể tính kể. Ra khỏi địa ngục, lại làm thân súc sinh trong loài Thấp sinh như muỗi, bọ chết...

Quán hai loại sinh ấy rồi, vị ấy tuần tự dùng tâm vi tế quán xét về quả báo của nghiệp trong các loài chúng sinh thuộc Noãn sinh. Vì nghiệp gì mà sinh vào loài này?

Nếu người nào chưa đoạn trừ tham, sân, si, nhờ tu học thiền định, chứng được thần thông thế gian. Nhưng do nhân duyên gì đó mà người kia sinh tâm sân giận, phá hoại quốc độ, nên sau khi qua đời, người ấy bị đọa vào địa ngục, chịu vô lượng khổ. Ra khỏi địa ngục, lại làm thân trong loài noãn sinh như chim điêu, chim thừu... Thoát thân này rồi, lại sinh làm người luôn có nhiều sân hận. Đó là do nghiệp ác còn sót lại.

Lại nữa, Tỳ-kheo biết rõ về quả báo của nghiệp. Vị ấy dùng văn tuệ quán các súc sinh, vì nghiệp gì mà thọ thân Thai sinh?

Như có chúng sinh, đem tâm ái dục hòa hợp với loài bò, ngựa, bắt chúng giao hợp để tự thỏa thích. Hoặc bắt người khác làm tà hạnh, phi lễ. Sau khi qua đời, người ấy bị đọa vào địa ngục, chịu khổ vô lượng. Ra khỏi địa ngục, lại làm thân súc sinh thuộc Thai sinh. Nếu sinh làm người thì làm thân hoàng môn, đó là do nghiệp ác còn sót lại.

Lại nữa, Tỳ-kheo kia quán mười một loại súc sinh rồi, tiếp đến quán bốn loại

chúng sinh, khi ra khỏi địa ngục lại thọ bốn loại thức ăn:

1. Đoàn thực (*Thức ăn phải nhai*).
2. Ý tư thực (*Thức ăn bằng ý tư duy*).
3. Xúc thực (*Thức ăn bằng sự tiếp xúc*).
4. Ái thức thực (*Thức ăn bằng thức*).

Tỳ-kheo lại tư duy, quan sát về quả báo của bốn loại thức ăn.

Vị ấy dùng văn tuệ, quán các chúng sinh lấy các Đoàn thực cho người phá giới hoặc lũ giặc. Sau khi cho ăn, người kia bảo lũ giặc này giết hại kẻ oán thù. Kẻ giặc ấy nhận lời liền giết kẻ oán thù kia. Sau khi qua đời, kẻ sai giết hại người ấy bị đọa vào địa ngục, chịu đủ các khổ báo. Ra khỏi địa ngục, đọa vào loài súc sinh thuộc Đoàn thực như: trâu, bò, dê, lạc đà, lừa, ngựa, heo, chó...; các loài chim như: chim cất, thừ, ngỗng, vịt, khổng tước, mạng mạng, chim hồng và các loài chim khác. Phần nhiều chúng sống trong vùng đồng hoang, núi rừng hiểm trở. Đó là một ít loài súc sinh thuộc Đoàn thực.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán các loài súc sinh thuộc Xúc thực ở trong bọc trứng, hoặc vừa ra khỏi trứng, lấy sự tiếp xúc làm thức ăn. Lại có nhiều loại chim sống trong nước, lấy bờ hồ làm tổ, hoặc đào bờ sông để làm hang ổ để đẻ trứng. Còn các loài rồng, rắn vì nghiệp gì mà ăn bằng sự tiếp xúc?

Tỳ-kheo quan sát, liền dùng văn tuệ biết các chúng sinh này đời trước trong tâm hứa làm việc bố thí, sau đó suy nghĩ, tính toán, hối hận không làm. Do tạo nghiệp bất thiện mà người kia bị đọa làm súc sinh. Do tâm xưa suy nghĩ mà nay mắc quả báo phải ăn bằng sự tiếp xúc.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán các loài súc sinh ăn bằng nhớ nghĩ. Vì nghiệp gì mà làm thân súc sinh ăn bằng sự nhớ nghĩ?

Vị ấy dùng văn tuệ, biết các súc sinh như cá đỏ, cá đề-di, cá thố... cho đến ngao, ốc... đều lấy tâm nhớ nghĩ làm thức ăn. Nếu nhớ nghĩ thì không đói khát, thân thể càng phát triển.

Vì nghiệp gì mà sinh vào các loài này?

Vị ấy dùng văn tuệ, biết các chúng sinh này do ngu si thiếu trí, không biết quả báo của nghiệp, đã hứa đem đồ vật cho người, nói rằng:

–Một tháng, hoặc nửa tháng sau, tôi sẽ lấy của cải thức ăn uống, vàng bạc, châu báu cho ông.

Nghe hứa như vậy, người nghèo ấy rất vui mừng, khen ngợi, trông mong mau đến nửa tháng hay một tháng để có được của cải. Sau đó, người nghèo kia tới nhà người giàu, nhưng ông ta nói khác đi, không giống như lời đã hứa trước đây. Người giàu ác ấy, sau khi qua đời bị đọa vào địa ngục Ưu hỷ, chịu đủ khổ não. Ở đây sau khi qua đời lại bị đọa vào súc sinh, lấy nhớ nghĩ làm thức ăn. Do đời trước hứa cho người nghèo của cải, khiến họ vui mừng, nhưng cuối cùng không cho. Vì nhân duyên ấy, nếu được làm người thì làm kẻ nô tỳ cho người sai khiến. Đó là do nghiệp ác còn sót lại.

Lại nữa, Tỳ-kheo kia biết quả báo của nghiệp và quán các súc sinh ăn bằng loại thứ tư là Ái thức thực.

Vị ấy dùng văn tuệ quán thấy có súc sinh do Ái thức thực làm khổ não, thường nhớ đến sự ăn uống, sinh trong vùng đồng hoang, làm thân trăn lớn, rắn, thằn lằn, chỉ hút hơi gió. Lại có trời Quang minh cũng gọi là Ái thức ức thực, nhưng không bị khổ não, thấy thức ăn thì nhớ nghĩ đến liền được no. Súc sinh ăn bằng thức ái thì vì nghiệp gì mà phải chịu quả báo như vậy?

Vị ấy dùng văn tuệ, biết các chúng sinh kia vì có nhiều sân giận, nhiều ngu si mà sát hại chúng sinh. Sau khi qua đời, người ấy sinh trong đường ác, làm thân trăn lớn. Do đời trước vì ưa thích oán kết nên tự quán trối tâm mình. Vì nhân duyên đó mà sinh trong loài súc sinh chịu khổ não, ưa thích ăn gió. Nếu sinh làm người thì hay sân giận, dấy khởi tranh cãi, kiện tụng với những việc vô cơ. Đó là do nghiệp ác còn sót lại.

Lại nữa, Tỳ-kheo biết quả báo của nghiệp, lại quán xét về vô lượng vô biên thế giới của súc sinh. Vì lý do gì có những chúng sinh làm thân loài trùng trong nước?

Vị ấy dùng văn tuệ, biết các chúng sinh kia do ngu si thiếu trí, không có tâm tuệ, khi sắp chết rất khổ sở vì bệnh khát, hay ưa nghĩ nhớ đến nước. Khi qua đời, người ấy bị đọa trong đường ác, làm thân các loài vật ở trong nước như các loài cá. Khi còn thân trung ấm, người ấy thấy các thứ nước liền sinh tâm chạy đến đó. Do thủ làm nhân duyên cho hữu, nên thân trung ấm ấy có một phần trong đó. Vì đời trước không thực hành bố thí, trì giới, nên người ấy sinh trong nước, miệng luôn khô khan, giống như chạm vào tro lửa. Đó là do nghiệp ác gây ra từ đời trước.

Lại nữa, Tỳ-kheo biết rõ quả báo của nghiệp, lại quán xét các loài súc sinh thuộc chim bay? Vì nghiệp gì mà chúng bay trên không trung, không bị chướng ngại?

Vị ấy dùng văn tuệ, quán ba loại thần thông:

1. Thần thông giải thoát.
2. Thần thông thân hành.
3. Thần thông tâm tự tại.

Người giải thoát, theo sự nhớ nghĩ của tâm, hoặc là chim đi trên đất, hoặc bay trên không cũng như đi trên đất, đều không phải là pháp giải thoát. Sức thần thông của chư Phật Như Lai đi đâu tùy ý với ba loại ấy. Ba loại ấy là sức thần thông thù thắng vi diệu của bậc Thánh.

Lại nữa, Tỳ-kheo biết quả báo của nghiệp, lại quán xét về các loài súc sinh. Thế nào là quán về địa ngục, súc sinh, trời, người, các loài chim bay thú chạy đi dưới nước, đi trên không, đi trên đất?

Vị ấy dùng văn tuệ, quán xét trong địa ngục với vô số khổ não. Có hai loại súc sinh: Có loại thuộc chúng sinh, có loại không thuộc chúng sinh.

Loại thuộc chúng sinh, nghĩa là sinh vào chốn ngục kia bị thiêu đốt khổ não.

Loại không thuộc chúng sinh, là những tội nhân trong địa ngục do tâm điên đảo thấy trên hư không có các loại chim lớn đang bay liệng, vui chơi, tâm liền sinh nhớ nghĩ, muốn sinh vào chốn ấy. Theo tâm niệm đó mà được sinh, làm thân chim bay, chịu đủ khổ não trong địa ngục như trên. Do quả báo của nghiệp ác mà sinh trong địa ngục, thấy những con sư tử hình dáng rất đáng sợ cùng các loài hổ, báo, chim lớn, trùn dừ, trăn, rắn, những con có hình dáng đáng sợ ấy là loại không thuộc về chúng sinh, dùng các sự khủng bố để hại người nơi địa ngục. Loại không thuộc về chúng sinh ấy, do nghiệp đã tạo khiến các tội nhân chịu khổ não cùng tội. Ở trong địa ngục, các súc sinh không chịu khổ não ấy là: sư tử, hổ, báo, trăn, rắn tạo sự não hại.

Lại nữa, Tỳ-kheo biết quả báo của nghiệp, lại quán về đường của các ngạ quỷ, có những súc sinh bị khổ về đói khát. Vị ấy liền dùng văn tuệ thấy trong đường ngạ quỷ có ba mươi sáu loại sinh trong loài chim bay. Từ trong cõi người chết đi sinh vào loài chim bay thọ thân các loài chim sát hại như chim cắt, cú, dừ, chim ưng. Từ loại chim, chết rồi, sinh vào thế giới của ngạ quỷ, làm thân chim đói, bị đói khát thiêu đốt thân, hay mổ

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

vào mắt nga quý, móc mắt ra, hoặc phá cho bể đầu để ăn não. Mắt, não, tủy của nga quý nóng như đồng nung, bị các chúng sinh này cùng nhau đến giành ăn. Đó là do nghiệp ác.

Tỳ-kheo như vậy, quán chim trong cõi nga quý rồi, liền dùng kệ quả trách:

*Nghiệp nóng bị quả nóng
Chịu các khổ não lớn
Thế nên phải liả bỏ
Nghiệp ác bất thiện ấy.
Chớ nên tạo nghiệp ác
Tham, ganh hủy hoại mình
Nếu ai tạo tham, ganh
Đọa súc sinh, nga quý.
Cùng sát hại lẫn nhau
Hoặc đánh đập, trói nhốt
Làm súc sinh, nga quý
Nên xả bỏ ngu si.
Ngu si hoại tâm mình
Bỏ trì giới, bố thí
Bị ái dối mê hoặc
Đọa vào đường súc sinh.
Không biết việc đúng sai
Ăn vật không nên ăn
Làm điều không nên làm
Không hiểu pháp, phi pháp
Năm căn si không hiểu
Chỉ tạo nghiệp súc sinh.*

Như vậy là Tỳ-kheo quán xét các loài súc sinh chỉ có một nghiệp. Khi bị trói buộc theo thời gian trong nẻo luân hồi sinh tử, trải qua vô lượng trăm ngàn năm làm thân súc sinh, bị vô lượng trăm ngàn lưỡi khổ vây bủa cũng là một nghiệp. Nói là một nghiệp súc sinh nhưng có vô số nhân duyên, nối tiếp bị tham dục ràng buộc không gián đoạn. Sinh trong biển lớn sâu mười do-tuần, làm thân loài cá lớn ma-kiệt, hoặc loài ốc, trai, sò, cá đề-di-nghê-la, cá na-ca-thố... chúng đều sợ hãi lẫn nhau, thường đe dọa tạo mọi sợ sệt làm nhiều dâm dục. Vì ngu si nên làm theo những điều phi pháp, tà hạnh, không biết việc nào nên làm, chỗ nào không nên đi. Sống trong biển lớn bị khổ về nước nóng, luôn lo ngại về đói khát, tàn hại lẫn nhau, khủng bố lẫn nhau. Nếu ai gây nhiều ngu si thì sinh trong biển lớn sâu vạn do-tuần, làm thân độc long sân giận, gây khổ lẫn nhau. Vì tâm sân, tâm loạn mà phun độc tàn hại nhau tạo ra nhiều nghiệp ác. Thành của rồng ở tên là Hý lạc. Thành ấy ngang dọc ba ngàn do-tuần, trong đó có rất nhiều Long vương. Có hai loại Long vương:

1. Long vương hành theo pháp.
2. Long vương hành theo phi pháp.

Loại một thì ủng Hộ thế gian. Loại hai thì phá hoại thế gian.

Trong thành đó, chỗ ở của Long vương hành theo pháp không có mưa cát nóng. Còn chỗ ở của Long vương hành theo phi pháp thì thường có mưa cát nóng. Nếu cát nóng dính nơi đỉnh đầu thì nóng như lửa cháy, thiêu đốt cả cung điện và hết thủy quyền

thuộc của chúng đều chết sạch. Chết rồi thì sống trở lại.

Lại nữa, Tỳ-kheo biết quả báo của nghiệp, lại quán xét về khổ não do mưa cát nóng của thế giới loài rồng. Vì nghiệp gì mà thọ quả báo này?

Vị ấy liền dùng văn tuệ, biết các chúng sinh kia khi làm người là một kẻ ngu si, do tâm sân hận mà thiêu đốt phòng xá của chúng Tăng và xóm làng, thành ấp của người khác. Kẻ ác này sau khi qua đời bị đọa vào địa ngục chịu vô lượng thống khổ. Ra khỏi địa ngục, sinh vào loài rồng, do đời trước dùng lửa đốt xóm làng người, đốt phòng xá của Tăng mà nay làm thân súc sinh bị cát nóng nung đốt.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán thế giới của loài rồng, vì nghiệp gì mà sinh vào chốn đó? Vì nhân duyên gì mà không bị cát nóng đốt, hại?

Vị ấy dùng văn tuệ, biết các chúng sinh kia do đời trước học các giới tà nơi ngoại đạo thế gian, làm việc bố thí mà không thanh tịnh, tạo bẫy thú bất tịnh như trên đã nói, do tâm sân giận mà nguyện sinh vào loài rồng. Người ấy sau khi qua đời bị đọa vào thành Hý lạc, làm thân Long vương. Sinh vào thành ấy rồi thì tâm sân bớt dần, nhớ nghĩ đến phước đức, tùy thuận thực hành theo chánh pháp, nên thân của Long vương ấy không bị khổ vì cát nóng.

Lại nữa, Tỳ-kheo biết quả báo của nghiệp, lại quan sát thế giới của loài rồng. Vì nghiệp gì mà Long vương hành theo pháp sinh vào thành Hý lạc. Thành này hình tướng ra sao?

Vị ấy dùng văn tuệ, quan sát thành Hý lạc, chỗ ở của Long vương hành theo pháp có thành quách bằng bảy báu, với ánh sáng của châu báu bảy màu. Trong những ao nước có đủ các loại hoa như hoa Ưu-bát-la... với thức ăn tô-đà, hương đủ hoan lạc, có vòng hoa hương, chuỗi anh lạc, hương bột, hương thoa dùng trang sức nơi thân, có nhiều thần thông, nhớ nghĩ điều gì đều được như ý muốn. Nơi đỉnh đầu của rồng có đầu hình long xà. Các Long vương hành theo pháp ở trong thành ấy gồm: Long vương bảy đầu, Long vương mặt voi, Long vương Bà-tu-cát, Long vương Đắc-xoa-ca, Long vương Bạt-đà-la (đời *Ngụy dịch* là *Hiền long*), Long vương Lô-hê-đa (đời *Ngụy dịch* là *Xích Long*), Long vương Bát-ma-thê, Long vương Vân Man, Long vương A-bạt-đa, Long vương Nhất Thiết Đạo, Long vương Bát-bà-ha (đời *Ngụy dịch* là *Nhãn Long*). Nhờ tâm thiện tùy thuận hành theo chánh pháp mà các loài rồng này có phước đức như vậy. Chúng mưa đúng thời khiến cho năm thứ lúa thóc hoa màu (*ngũ cốc*) trong thế gian luôn được mùa dồi dào, an ổn, sung túc, không có những trận mưa đá. Do tin Phật, Pháp, Tăng, thuận hành theo đúng pháp, giữ gìn xá-lợi Phật, nên các Long vương ấy không bị khổ não cát nóng, lại được an vui bậc nhất. Chúng tuôn những trận mưa lành xuống bốn cõi thiên hạ là Diêm-phù-đề, Cù-đà-ni, Phất-bà-đề và Uất-đan-việt. Nếu mọi người thuận theo pháp, hiếu dưỡng cha mẹ, cúng dường các Sa-môn, Bà-la-môn, tu hành theo chánh pháp thì khiến cho Long vương hành theo pháp tăng thêm sức mạnh lớn, nhờ pháp vượt hơn nên tuôn xuống những cơn mưa nhẹ, giúp cho ngũ cốc tốt tươi, có đủ sắc, hương, vị, không có các tai họa, hoa quả dồi dào, các loại hoa tốt đẹp, ánh sáng mặt trời, mặt trăng trong suốt, oai đức sáng sạch. Long vương ấy có phước đức như vậy nên không phun gió độc.

Người ở cõi Diêm-phù-đề có bốn lý do khiến bị chết nhiều:

1. Đói khát.
2. Chiến tranh.
3. Gió độc.

4. Mưa dữ.

Nếu các thế gian tùy thuận theo đúng pháp mà thực hành, tu các phước đức, thì Long vương hành theo pháp tăng thêm sức mạnh lớn, không bão mây dữ, tuôn mưa dữ, không có gió độc, các sông nước chảy đều hòa, lúa gạo tốt, nhiều, trái to vị ngọt, đủ sắc hương vị, ăn vào không bệnh, xa lìa các khổ não, đói khát, đầy đủ sắc, lực, bốn đại an ổn, tu hành các nghiệp thiện. Do hành nghiệp thiện nên giữ gìn quả thiện ấy, ruộng vườn xanh tươi, Long vương hành theo pháp tuân tự ủng hộ những chúng sinh thuận theo chánh pháp tu tập nghiệp thiện.

Quán cõi Diêm-phù-đề rồi, vị ấy quán cõi Cù-đà-ni. Long vương thuận theo pháp đã ủng hộ người Cù-đà-ni như thế nào?

Tâm của chúng sinh ở cõi Cù-đà-ni mềm dịu, chỉ có một nghiệp ác là lấy nước đục uống nên bị chết yếu. Long vương thuận theo pháp không mưa nước đục vào cõi này. Người cõi Cù-đà-ni được uống nước trong sạch nên không có bệnh. Đó là nhờ uy lực của rồng.

Lại nữa, Tỳ-kheo biết quả báo của nghiệp, lại quán xét Long vương hành theo pháp ở cõi Phất-bà-đề đã đem lại an vui như thế nào?

Vị ấy dùng văn tuệ, biết các chúng sinh kia ở cõi Phất-bà-đề, nếu nghe tiếng sấm hoặc thấy ánh sáng của sấm, do tâm mềm yếu nên đều bị bệnh khổ. Long vương hành theo pháp ở thế giới ấy không tạo ra tiếng sấm, không phóng ánh sáng của sấm chớp, khiến cho người cõi Phất-bà-đề không gặp bệnh khổ. Đó là uy lực của rồng.

Lại nữa, Tỳ-kheo biết quả báo của nghiệp, lại quán xét người ở cõi Uất-đan-việt vì sao bị suy não?

Vị ấy dùng văn tuệ, biết người ở cõi Uất-đan-việt, nếu gặp mây đen, gió lạnh thổi làm cho hoa thơm không nở. Khi thấy hoa khép lại, người nơi cõi ấy ưu não vì biết mây đen nổi lên. Núi Tăng-già-xa có tiếng chim kêu ghê tợn, các thứ tiếng nơi âm nhạc đều nghe rất dở, ở chỗ của rồng ác đều bị suy não như vậy. Long vương hành theo pháp không dùng mây đen gió lạnh thổi dạt vào bốn cõi thiên hạ. Long vương hành theo pháp lấy việc an lạc để làm lợi ích cho chúng sinh.

Lại nữa, Tỳ-kheo biết quả báo của nghiệp, lại quán xét thế giới của loài rồng, những rồng ác nào không tùy thuận hành theo pháp?

Vị ấy dùng văn tuệ, biết các rồng ác trong thành Hý lạc không hành theo pháp. Tên của chúng là Long vương Ba-la-ma-thê (*đời Ngụy dịch là Não loạn*), Long vương Tỳ-khám-lâm-bà (*đời Ngụy dịch là Phấn Tấn*), Long vương Ca-la (*đời Ngụy dịch là Hắc Sắc*), Long vương Hầu-lâu-hầu-lâu (*đời Ngụy dịch là Đa Thanh*), sống nơi thành Hý lạc trong biển.

Vì sao những rồng ác hành theo phi pháp này tăng trưởng sức mạnh? Vị ấy dùng văn tuệ, biết các chúng sinh kia do hành pháp bất thiện, không hiểu thuận cha mẹ, không kính các Sa-môn, Bà-la-môn, nên những rồng ác như vậy tăng trưởng sức mạnh, sống trong cõi Diêm-phù-đề mang thân hung tợn, vì tâm ác mà chúng nổi lên mây mưa dữ. Chỗ nào có mưa thì sinh cây độc dữ, gió dữ thổi vào cây, khí độc thì nhập vào nước khiến nước hòa lẫn với chất độc, làm cho tất cả ngũ cốc đều bị thối độc. Nếu ai ăn vào đều bị bệnh khổ, chất dinh dưỡng của ngũ cốc bị tiêu dần nên con người bị chết yếu. Long vương ác ấy do tâm ác mà giáng xuống những tai họa sát hại lẫn nhau. Vì ác ấy nên người cõi Diêm-phù-đề đều bị hủy diệt. Đó là do rồng hành theo phi pháp tạo ra các điều ác.

Lại nữa, Tỳ-kheo biết quả báo của nghiệp, lại quán xét Long vương có sức mạnh lớn tự tại. Vì sao Long vương hành theo ác phi pháp dùng các thứ suy nạn làm khổ người cõi Cù-đà-ni?

Vị ấy dùng văn tuệ, biết rằng ác phi pháp ở chốn hiểm trở, núi cao nơi cõi Cù-đà-ni, chúng tuôn những trận mưa lớn làm cho các sông đều ngập, đục. Người cõi Cù-đà-ni nếu ai uống vào thì do nhân duyên này mà bị suy tổn nặng, bị nhiều khổ não. Tỳ-kheo ấy đã thấu rõ đúng như thật khi quán về cõi Cù-đà-ni.

Lại nữa, Tỳ-kheo biết quả báo của nghiệp, lại quán xét cõi Phất-bà-đề. Vị ấy dùng văn tuệ, biết mọi người ở thế gian không tu theo chánh pháp, khiến cho thế lực của rồng ác tăng trưởng, tạo sấm sét dữ dội, giống như núi lớn sụp đổ. Người cõi Phất-bà-đề do tâm mềm yếu nên gặp nhiều bệnh khổ. Ánh sáng của sấm chớp tỏa khắp thế giới, giống như lửa đốt cháy dữ dội. Từ trong mây, rồng hiện ra với đôi mắt giống như bánh xe, thân đen, xấu, giống như núi đen. Cổ nó có ba đầu, trở ra các hoa giống như tướng ngựa, hoặc thân rắn. Hiện ra những thân hung dữ như vậy, khiến cho người ở cõi Phất-bà-đề trông thấy đều bị suy não lớn.

Lại nữa, Tỳ-kheo biết quả báo của nghiệp, lại quán xét cõi Uất-đan-việt như cõi trời thứ hai. Vì sao rồng ác tạo suy não cho người ở cõi Uất-đan-việt?

Vị ấy dùng văn tuệ, biết núi Tăng-già-xa ở cõi Uất-đan-việt như trước đã nói. Hoa sen thường nở, mùi thơm tỏa khắp, màu rất tươi đẹp. Người nước ấy ngửi nó, cảm thấy thích thú. Nếu người ở thế gian bất hiếu với cha mẹ, không cúng dường các Sa-môn, Bà-la-môn, bấy giờ Long vương ác do tâm tùy tiện, tăng trưởng thế lực, nổi những đám mây lớn giống như núi đen phủ khắp, che lấp ánh sáng mặt trời, thì hoa sen liền khép lại, không có mùi thơm, mất đi ánh sáng màu vàng ròng. Người cõi Uất-đan-việt thấy hoa khép lại thì buồn rầu lo sợ. Trong mây phát ra gió, thổi các âm thanh loạn xạ không đáng ưa thích. Thế lực của rồng ác trong bốn cõi thiên hạ đã làm suy não người nơi cõi Uất-đan-việt như vậy.

Lại nữa, Tỳ-kheo biết quả báo của nghiệp, lại quán xét trong bốn cõi thiên hạ có hơn, có kém. Vị ấy dùng văn tuệ quán sự hoan lạc, an ổn của cõi Uất-đan-việt vượt hơn ba cõi kia. Người cõi Diêm-phù-đề hành theo pháp và phi pháp, do đó đối với sự khổ vui có tăng giảm so với ba cõi thiên hạ kia, làm tăng trưởng đất nghiệp, tu hành mười đạo thiện, có Phật ra đời, vì nhân duyên của cõi Diêm-phù-đề nên có bốn thiên hạ. Người cõi Diêm-phù-đề tư duy, tu hành mười đạo nghiệp thiện, lại có thể tu tập phạm hạnh. Trong thế giới ấy, phần nhiều thường tư duy, quan sát về sinh diệt. Nơi tòa kim cương của kim cương ấy, tất cả quốc độ thuộc cõi Diêm-phù-đề và ở thế gian đều không có. Chỗ tòa kim cương ấy rộng tám vạn bốn ngàn do-tuần, Đức Phật đã an tọa nơi tòa này mà sinh tâm giác ngộ. Vì nhân duyên ấy, Đức Như Lai đã xuất hiện ở cõi Diêm-phù-đề, không ở cõi thiên hạ khác. Vì sao? Vì căn lành đã thành tựu, chứng Phật Bồ-đề. Núi chúa Tu-di hầy còn không thể giữ được, huống chi là đất ở chỗ khác. Vì nhân duyên này mà Phật ở cõi Diêm-phù-đề, không ở cõi khác. Thân người khó được, mà trong cõi Diêm-phù-đề nhờ tạo nghiệp lành nên được sinh nơi cõi người, do đấy mà cõi Diêm-phù-đề là tối thắng bậc nhất trong thiên hạ, chẳng phải cõi thiên hạ khác.

Lại nữa, Tỳ-kheo biết quả báo của nghiệp, lại quán xét thế giới của loại rồng. Vì nghiệp gì mà Long vương hành theo phi pháp đã ăn nuốt loài tôm tép, ăn đất cát, hít thở bằng gió?

Vị ấy dùng văn tuệ, biết chúng sinh kia, khi làm người hay khinh khi, nhục mạ vợ con, một mình ăn món ngon vật lạ, vợ con rất thêm thương nhưng người kia vẫn ăn một mình no nê, còn lại thức ăn thừa thải mới đem cho vợ con. Người ác ấy, sau khi qua đời bị đọa làm loài rồng, ăn nuốt tôm tép, ăn cát và thổi bằng gió, chịu quả báo tương tự với nghiệp đã tạo.

Lại nữa, Tỳ-kheo biết quả báo của nghiệp, lại quán xét thế giới của loài rồng. Vì nghiệp gì mà các loài rồng tuôn mưa? Lại vì nghiệp gì lại giáng xuống các tai họa mưa đá?

Vị ấy dùng văn tuệ, biết rồng ác này ngậm độc sâu giận, không tùy thuận hành theo pháp. Mỗi khi hai Long vương sân giận, tranh chấp thì nổi lên mây mưa dữ tợn, gió độc, giáng tai họa mưa đá khiến cho ngũ cốc tan nát, hư hoại, không thu hoạch được. Cũng do các chúng sinh hành theo phi pháp, khiến rồng ác sân giận cho nên xảy ra tai biến ấy.

Lại nữa, Tỳ-kheo biết quả báo của nghiệp, lại quán xét thế giới của loài rồng. Vì sao chúng tuôn mưa đúng mùa xuống cõi Diêm-phù-đề làm thấm nhuần, tạo lợi ích cho lúa thóc, mía, mè, cây cối, núi rừng, đậu, đại mạch, tiểu mạch, khiến cho mọi hoa màu lúc thóc đều tươi tốt, dồi dào?

Vị ấy dùng văn tuệ thấy Long vương hành theo pháp, tuôn mưa đúng mùa để tạo lợi ích an lạc cho chúng sinh. Cũng do các chúng sinh tùy thuận hành theo chánh pháp mà Long vương hành pháp mưa hợp thời khiến cho đất nước được phồn vinh, an vui.

Lại nữa, Tỳ-kheo biết quả báo của nghiệp, lại quán xét tất cả loài rồng ở cung điện, có bao nhiêu rồng sống trong biển và sông nơi các dòng nước?

Vị ấy dùng văn tuệ, biết cõi Diêm-phù-đề, nếu loài người không thuận hành theo chánh pháp thì có vô lượng rồng ở các dòng nước. Nếu loài người ở cõi Diêm-phù-đề tùy thuận hành theo pháp thì có năm mươi bảy ức rồng ở các dòng nước.

Lại nữa, Tỳ-kheo biết quả báo của nghiệp, lại quán xét thế giới của loài rồng. Vị ấy quán thành Hý lạc và rồng ở các dòng nước rồi, lại quán nơi đáy của biển lớn có bao nhiêu chúng sinh hiện sống ở đó.

Vị ấy liền dùng văn tuệ, biết nơi mặt đất trong biển lớn có loài oán địch của chư Thiên là A-tu-la. A-tu-la lược nói có hai loại:

1. Thuộc về quỷ.
2. Thuộc về loài súc sinh.

A-tu-la thuộc quỷ là nạ quỷ thân ma có sức thần thông. Còn A-tu-la thuộc loài súc sinh thì ở nơi đáy biển lớn, cạnh núi Tu-di, nơi vùng thấp của biển rộng tám vạn bốn ngàn do-tuần. Lược nói có bốn vùng:

Vùng thứ nhất có hai vạn một ngàn do-tuần, là chỗ của A-tu-la vương La-hầu. A-tu-la vương La-hầu này ở trong Dục giới có thể hóa thân lớn nhỏ tùy ý, là do uy lực của người hành thiện hay bất thiện. Bấy giờ, A-tu-la suy nghĩ: “Ta sẽ đến quan sát chỗ vui chơi trong vườn rừng của kẻ địch, cùng các thể nữ dạo xem, tha hồ thọ lạc”. Nghĩ như vậy rồi, A-tu-la liền dùng các loại châu ngọc đại thanh, ngọc Ba-đầu-ma, ngọc quang minh uy đức, hoặc dùng vàng ngọc năm màu, ngọc đỏ, cùng những y phục đủ màu sắc nào xanh, vàng, đỏ, đen, tất cả để tạo vẻ oai nghiêm đẹp đẽ nơi thân, cũng là áo giáp, ánh sáng rực rỡ. Lúc này thân tướng của A-tu-la vương cao lớn như núi chúa Tu-di. Ngọc báu khắp thân phát ra ánh sáng lớn xen đủ màu sắc, nên sinh tâm đại kiêu mạn, cho rằng không ai sánh bằng, muốn các Thiên nữ, các nữ A-tu-la yêu kính thân mình. A-

tu-la vương từ trong thành đi ra, thành ấy tên là Quang minh, ngang dọc tám ngàn do-tuần, có vô lượng rừng báu, sông suối, ao hồ, cỏ cây, các loại hoa sen để tạo sự trang nghiêm. Đầu A-tu-la vương đội vòng hoa, thân xoa đủ loại hương thoa, hương bột, từ nơi đây nghĩ đến chốn vui chơi trong vườn rừng của cõi trời. Nếu người nơi cõi Diêm-phù-đề không thực hành theo chánh pháp, không hiếu dưỡng với cha mẹ, không kính các vị Sa-môn, Bà-la-môn, các bậc tôn trưởng, không dựa theo pháp để tu tập, không phụng thờ Tam bảo, không quán các pháp thiện và bất thiện thì uy lực của chư Thiên đều bị giảm sút.

Trời Tứ Thiên vương lần lượt nói với nhau:

–Tất cả hãy chạy tránh xa, coi chừng A-tu-la vương La-hầu là sư tử con đến giết chúng ta.

Nếu người ở cõi Diêm-phù-đề tu hành theo chánh pháp, hiếu dưỡng cha mẹ, kính thờ sư trưởng, cúng dường các vị Sa-môn, Bà-la-môn, tôn kính bậc trưởng lão, thì uy lực chư Thiên được tăng trưởng.

Bấy giờ, Tứ Thiên vương lấy các thứ y phục quý giá mặc vào người, xoa hương thoa, hương bột, lập tức đến chống cự với A-tu-la vương La-hầu sư tử con. Trong hư không tuôn xuống trận mưa đao kiếm, tất cả chúng trời đều sinh tâm vui mừng, đi đến cạnh núi Tu-di la to. Nếu vua trời không xuất hiện mà A-tu-la vương muốn xem vườn rừng vui chơi, thì hàng trăm ngàn tia ánh sáng mặt trời tỏa chiếu lên những vật trang sức nơi thân càng chói lòa, che lấp mắt A-tu-la vương, nên không sao thấy được chốn chư Thiên vui chơi, thọt lạc trong vườn kia.

Lúc này A-tu-la vương La-hầu suy nghĩ: “Mặt trời che mắt ta, khiến ta không thể nhìn thấy các thể nữ ở cõi trời. Ta sẽ dùng tay che vòng ánh sáng của mặt trời, như thế mới có thể thấy các Thiên nữ được!”

A-tu-la vương liền giơ tay phải che vòng ánh sáng của mặt trời, mong muốn được thấy sắc đẹp dịu dàng, đáng yêu của các Thiên nữ. Nơi tay phát ra bốn loại ánh sáng, như trước đã nói. A-tu-la vương đang đứng trong biển thì nước ngập tới eo lưng. Ánh sáng của các thứ châu báu đủ màu xanh, vàng, đỏ, đen cùng chiếu khắp. Khi A-tu-la vương dùng tay che mặt trời thì các Luận sư theo tà kiến trong thế gian đều có những dị thuyết nói là: “A-tu-la vương La-hầu ăn mặt trời”. Nếu mặt trời có màu đỏ, màu đen thì họ lấy hiện tượng ấy mà xem tướng thọ mạng của con người. Các nhà xem tướng không biết quả báo của nghiệp nên nói: “Hoặc là được mùa, sung túc, hoặc sẽ mất mùa, hoặc cho là có họa dữ, tai ương đến vua, hoặc nói là tốt đẹp vui vẻ.

Khi A-tu-la vương lấy tay che mặt trời rồi, thì thấy rõ chỗ vui chơi, ao hồ, vườn cây của chư Thiên. Thiên vương Đế Thích thấy vậy bèn lệnh cho chúng trời lo trang nghiêm cung điện, các Thiên tử thì dùng những vật báu trang sức nơi thân, đi đến chỗ A-tu-la vương La-hầu để chiến đấu. Thấy chúng trời, A-tu-la vương La-hầu liền trở về cung thành.

Lại nữa, Tỳ-kheo làm thế nào để quán về nguyệt thực? Vị ấy dùng văn tuệ biết các vị quan quyền thuộc của A-tu-la vương La-hầu đi trên biển, thấy mặt trăng thường dạo chơi trên đỉnh núi Ưu-đà-diên, trong cõi Diêm-phù-đề. Trăng sáng trong như Tỳ-lưu-ly, tươi đẹp dịu dàng, vượt hơn ánh sáng bình thường cả trăm lần. Các quan quyền thuộc trông thấy rồi, liền đến chỗ A-tu-la vương La-hầu, thưa:

–Bạch đại vương! Mặt trăng tròn đầy, tươi đẹp giống như mặt của Thiên nữ.

Khi đó, nghe nói vậy, A-tu-la vương La-hầu liền sinh tâm ái dục, muốn thấy Thiên

nữ nên lập tức đứng dậy, khao khát muốn thấy cho bằng được, A-tu-la vương La-hầu bèn dùng tay che lấy mặt trăng để mong thấy Thiên nữ. Lúc này, A-tu-la vương trang sức nơi thân mình với vô lượng các vật báu, như trên đã nói. Các vị thầy chú thuật trong cõi Diêm-phù-đề chú nguyện:

–Tất cả những thứ xấu ác nơi các xóm làng, thành ấp trong quốc độ sẽ mau diệt trừ, tất cả các thứ xấu ác nơi đất đai trong thế gian sẽ mau được diệt trừ. Tất cả những điều xấu ác trong hàng Bà-la-môn sẽ mau được diệt trừ.

Nếu mặt trăng có màu đen, màu vàng thì các thầy xem tướng trong thế gian nói:

–Sẽ được mùa hoặc sẽ mất mùa. Vua sẽ bị hung nguy hoặc được vui vẻ. Binh đao nổi lên dữ dội hoặc không nổi lên, bình yên.

Các cõi Cù-đà-ni, Uất-đan-việt, Phất-bà-đề thì tùy theo vùng thấy mặt trăng bị ăn chứ không phải nói theo tà kiến.

Do nhân duyên này nên mặt trời, mặt trăng bị ngăn che, cho là “Mặt trăng bị ăn”. Lại nữa, nhân duyên thứ hai che lấp mặt trời, mặt trăng: Khi trời tuôn ra những âm thanh lớn vang động khắp A-tu-la vương La-hầu đang ở nơi biển cả.

Bấy giờ, các quan quyền thuộc tâu:

–Đại vương! Thiên chủ Kiều-thi-ca có các công đức của chư Thiên, đầy đủ năm dục, với các quyền thuộc vây quanh, vui vẻ thọ lạc. Ông ta hiện đang ở Thiện pháp đường, trong thành Thiện kiến, trên đỉnh núi Tu-di. Thiên chủ Kiều-thi-ca là chủ của chư Thiên. Đại vương nay được chúng tôi tôn kính, ngài có sức mạnh lớn, thần thông vượt trội hơn Kiều-thi-ca và có thể thống lãnh các quan quyền thuộc đến đánh Thiên chủ, tiêu diệt thành Thiện kiến ấy.

A-tu-la vương nghe lời tâu ấy liền phẫn chấn, ra vẻ oai vệ, nổi giận đi ra khỏi thành Quang minh, gầm lên như tiếng sấm sét. Các vị thầy tướng nơi các nước trong cõi Diêm-phù-đề cho là loài thú của cõi trời rống. Họ cho hiện tượng như vậy là phồn vinh, vui vẻ, an ổn không ai bằng; hoặc cho là tai họa bị mất mùa, ngũ cốc hiếm hoi; hoặc bảo là vua sẽ chết; hoặc nói là điều vui, linh ứng tốt đẹp; hoặc cho là binh đao nổi lên, không nổi lên trong cõi nước; hoặc bảo là dân chúng an lạc, không có biến đổi gì; hoặc nói phải trai giới thanh khiết, phải lễ bái thần để cầu phước.

Khi ấy, A-tu-la vương La-hầu suy nghĩ: “Ta lưu giữ các châu báu này lại trong thành để chiếu sáng cho các con ta. Nếu không có châu báu thì không có ánh sáng. Trên trời cũng vậy, có mặt trời, mặt trăng mới có ánh sáng. Nếu không có mặt trời, mặt trăng thì thế gian sẽ tối tăm. Ta nay hãy che mặt trời, mặt trăng lại, khiến cho cả trời đất đều đen tối”. Suy nghĩ như vậy xong, A-tu-la vương đi ra khỏi thành, lấy một tay che lấp vòng ánh sáng của mặt trời, mặt trăng. Những người ngu, các thầy xem tướng trong thế gian đều nói về tai ương và tốt lành, như trước đã nêu. A-tu-la vương lại dùng một tay sờ vào đỉnh núi Tu-di, muốn cùng với chư Thiên chiến đấu một mất một còn.

A-tu-la ấy là súc sinh thiếu trí, thấy các hiện tượng quang minh oai đức, trang nghiêm thù thắng của cõi trời thì tâm sinh nghi ngờ, hối hận, trở về chỗ cũ ở thành Quang minh. Đó là nhân duyên thứ hai khiến mặt trời, mặt trăng bị che lấp, khiến chúng gọi là bị ăn, âm thanh nơi cõi trời gầm vang chấn động.

Lại nữa, Tỳ-kheo biết quả báo của nghiệp, lại quán xét dục lạc mà đại vương A-tu-la La-hầu thọ hưởng. Vị ấy dùng văn tuệ, quán bên trong thành nơi A-tu-la ở. Thành được trang nghiêm bằng vô số thứ châu báu, nằm bên cạnh sườn núi Tu-di, sâu hai vạn một ngàn do-tuần, rộng tám ngàn do-tuần, có ao hồ, hoa sen, cây cối tươi tốt, đất bằng

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

vàng ròng, màu giống ánh sáng điện chớp. Cung điện, nhà cửa, lầu gác đều bằng vàng, cây bằng san hô báu treo các linh quý phát ra âm thanh vi diệu, có các thứ âm nhạc tạo mọi vui thích thọ lạc. Trong mỗi mỗi ao đều có những hoa bằng vàng để tôn vẻ trang nghiêm. Có các loài chim như: chim nhạn, chim uyên ương... đều trang sức bằng vàng ròng, ai thấy cũng đều ưa thích, giống các loài chim của chư Thiên. Mỏ chim bằng ma-ni, chúng vui vẻ dạo chơi khắp chốn, có đủ thứ màu sắc của bảy báu có cánh bằng tỳ-lưu-ly xanh, vui đùa vô cùng đáng yêu giữa các lầu gác, lan can; phát ra những âm thanh vi diệu, ai nghe cũng đều vui thích. Tất cả các loại chim khác cũng vậy, đều sạch sẽ, đẹp đẽ. Thành ấy có rất nhiều cây, hoa, hoa sen để tạo sự tươi đẹp và có bốn khu vườn rừng, cây cỏ hoa lá đều bằng vàng ròng, mỗi mỗi khu vườn rừng ngang dọc cả trăm do-tuần. Bốn khu vườn rừng là:

1. Du hý.
2. Đam lạc.
3. Nga trú.
4. Câu-chỉ-la.

Bốn khu vườn rừng này luôn sáng rõ tô điểm cho thành. Mỗi khu vườn rừng có ba ngàn loại cây, như cây Theo ý nguyện, màu vàng ròng, như mây như ảnh, cảnh mềm dẻo, là chỗ của chim đậu, các hoa nở rộ, mùi thơm phảng phất khắp cả do-tuần, có nhiều đàn ong chứa đầy mật ngọt. Hoặc cây kim sắc, cây xuất ra suối rượu, cây Ngưu đầu chiên-đàn hương có màu như mây, cây Thất diệp hương, cây Chi-đa-ca, cây Tất-ly-ca, gió thổi nhẹ lay động, cây Mặc trầm thủy, cây Phổ nhãn hương, cây Minh đăng hương, cây Ma-ni hương, cây Hỏa sắc hương... Có đủ loại cây thơm như vậy, hoa luôn nở rộ, lúc nào cũng như mới nở. Lại có nhiều cây ăn quả... Ánh sáng tỏa ra từ là soi bóng xuống các dòng nước để làm tăng vẻ đẹp nơi ao suối, ai trông thấy cũng đều thích thú. Các loại cây ấy có loại mọc ở cõi Diêm-phù-đề, có loại mọc ở cõi Uất-đan-việt, có loại mọc ở thành Quang minh của A-tu-la vương. Cây có hoa, cây có trái, cây có rượu. A-tu-la vương đi dạo khắp nơi, vui vẻ thọ lạc, có các thể nữ vây quanh để mua vui. Đây là phiền não vì nhiễm đắm cái vui vô thường, không lâu bền, mau hư hoại mà lại cho là đất cam lồ, không chết.

A-tu-la vương có bốn thể nữ, tất cả đều do nhớ nghĩ mà có:

1. Như ảnh.
2. Chư hương.
3. Diệu lâm.
4. Thắng đức.

Bốn thể nữ này có mười hai na-do-tha thị nữ làm quyến thuộc, vây quanh A-tu-la vương, vui vẻ tình tứ, tha hồ thọ lạc, không thể ví dụ được. Do từ chỗ tạo nghiệp đã thành tựu mà A-tu-la vương có vô lượng ức chúng thể nữ vây quanh vui vẻ dạo chơi. Cung điện ngàn cột, phòng xá thẳng hàng, đều bằng châu báu.

Lại nữa, Tỳ-kheo biết quả báo của nghiệp rồi, lại quán xét về A-tu-la vương La-hầu. Do nghiệp báo nào mà có được cảnh giới của A-tu-la? Tạo nghiệp gì mà đạt được quả báo như vậy?

Kệ tụng:

*Không nhân, thì không quả
Tạo nghiệp ắt hưởng báo
Như trồng cây được trái*

*Nghiệp lành sinh trời, người.
Nghiệp lành được quả vui
Thường ở trong trời, người
Nghiệp ác dọa ba đường
A-tu-la thì sao?
Nó dọa đường súc sinh
Vì sao thọ báo vui?
Thiếu trí không hiểu nổi
Vì sao lại như vậy?*

Tỳ-kheo tư duy rồi, liền dùng văn tuệ quán xét về kiếp quá khứ xa xưa của A-tu-la. Vị ấy biết A-tu-la tu tập theo pháp của Bà-la-môn nên có trí tuệ thông minh bậc nhất, rành rõ các kỹ thuật của thế gian, thích thực hành bố thí, ở nơi giữa đồng hoang bố thí các thức ăn uống, cây trái, suối mát, nước ngọt, phòng xá, giường chiếu. Lại ở ngã tư đường bố thí cho người bệnh, người đi đường, khách buôn, kẻ đui mù, bần cùng; bố thí nhà cửa, thức ăn uống, giường chiếu, tất cả đều đầy đủ, nhưng không chánh kiến. Bấy giờ, ở rừng Di-thê-la có ngôi Tăng-già-lam ngang dọc hai mươi do-tuần, trong chùa ấy có vô lượng trăm ngàn tháp Phật, trang nghiêm bằng bảy báu. Chùa do năm trăm vua lớn như vua Nê-di... cùng nhau xây dựng để tạo phước, ở đó có một tháp, dùng vàng ròng, anh lạc, những vòng hoa đẹp, bảy báu để tôn vẻ nghiêm trang. Các vị vua này đã từng nghe danh hiệu của chư Phật nên vẽ ra hình ảnh Như Lai có nhiều vườn cây, ao hồ, suối mát tươi đẹp, như trên đã nói. Trong cõi Diêm-phù-đề bấy giờ cũng có rừng cây như của vua La-hầu A-tu-la và trang nghiêm tháp Phật, các dòng nước, hoa sen vi diệu, các chim... đều như trên đã nói.

Bấy giờ, có Bà-la-môn tên Bà-lợi, chuyên tụng luận Tỳ-đà, tạo nhiều phước đức. Bà-la-môn ấy dùng bốn ngàn cỗ xe chở các thứ thức ăn uống đến vùng đồng hoang để bố thí cho những người đi đường cần dùng. Ông ta liền thấy một tháp Phật cao hai do-tuần, rộng năm mươi dặm, có kẻ ác dùng lửa đốt tháp rồi bỏ đi. Thấy tháp bị đốt, Bà-la-môn suy nghĩ: “Nay ta hãy gác việc bố thí cầu phước đức này lại để cứu tháp của Như Lai rất là trang nghiêm kỳ diệu, chạm trổ tinh xảo, rộng lớn hiếm có. Ta nên dập tắt ngọn lửa này để tháp không bị cháy hư hoại. Nếu ta không cứu tháp, vua biết được thì sẽ phạt nặng, cho là không có lòng tin chân thật, không có tâm tôn kính”. Suy nghĩ như vậy, ông ta liền dùng bốn ngàn cỗ xe chở nước đến dập tắt ngọn lửa kia. Khi lửa tàn rồi ông ta mỉm cười nói:

–Ta cứu tháp này là có phước đức hay không phước đức? Nếu có phước đức, nguyện đời sau ta được thân tướng cao lớn, trong cõi dục không ai sánh bằng.

Tuy nguyện như thế nhưng ông ta vẫn không tin, không chánh tư duy, cứ thích tranh chấp, không tin nơi chánh nghiệp. Do diệu lực của ruộng phước mà ông ta sinh làm A-tu-la vương trong thành Quang minh.

□